

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực.....1-9-8-5-7.....
Quyển số.....SCT/BS

Ngày: 08-11-2014

Phó chủ tịch UBND phường 1, Q.Gò Vấp



Nguyễn Hồng Vân

Tháng 5 năm 2014

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 39

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông vận tải được thành lập theo Quyết định số 147/2004-TT ngày 13/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2629/QĐ-BGTVT ngày 01/09/2004 của Bộ Giao thông Vận tải và Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 4106000085 ngày 24/11/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 01 năm 2007.

Ngày 03 tháng 6 năm 2010 theo Quyết định số 1569/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quyết định chuyển Công ty mẹ - Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Công ty đã đăng ký lại và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số 0300450289 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2010 có tên là Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải, thay đổi lần thứ 2 vào ngày 06 tháng 08 năm 2013.

Vốn điều lệ: 248.034.355.240 đồng.

Vốn pháp định: 6.000.000.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn: 100% vốn Nhà nước.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **TRANSPORT INVESTMENT COOPERATION
AND IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED**

Tên viết tắt: **TRACIMEXCO**

Trụ sở chính của Công ty tại số 36 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên	Ông Phạm Trần Khoa	Chủ tịch
	Ông Bùi Nguyên Khánh	Thành viên
	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
	Ông Lê Quý Nghĩa	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Trung	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Bùi Như Lạc	Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Nguyên Khánh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hà Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc,



Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông
Vận tải

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải, được lập ngày 15 tháng 5 năm 2014, từ trang 6 đến trang 39, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày 31/12/2013, do đó, chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm 01/01/2013. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về số lượng tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm 01/01/2013, với giá trị được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán lần lượt là 987.355.942 đồng, 11.046.931.033 đồng và 35.813.156.870 đồng. Ngoài ra, Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của các khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn; nợ ngắn hạn; nợ dài hạn; chi phí tài chính; chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2013 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2012.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Do những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản mục trên đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận, cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Theo ước tính của chúng tôi, dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán cần trích với số tiền là 8.721.663.862 đồng. Theo đó, khoản mục “dự phòng nợ phải thu khó đòi” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày thấp hơn với số tiền là 8.721.663.862 đồng; Và đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013, khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” cũng được trình bày thấp hơn với số tiền 8.721.663.862 đồng.

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của các khoản mục các khoản phải trả, phải nộp khác; vay và nợ ngắn hạn; vay và nợ dài hạn; chi phí tài chính; chi phí khác của Công ty được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2013. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không cũng như các yếu tố liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty.

Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho các khoản đầu tư dài hạn của Công ty với số tiền là 1.593.659.188 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Theo đó, khoản mục “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày thấp hơn với số tiền là 1.593.659.188 đồng; Và đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, khoản mục “Chi phí tài chính” cũng được trình bày thấp hơn với số tiền 1.593.659.188 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính này tại ngày 19/05/2013, bởi các vấn đề sau:

- Công ty chưa xem xét xử lý hoặc trích lập dự phòng phải thu nợ quá hạn với tổng giá trị là 121.239.265.112 đồng. Vấn đề này vẫn còn tiếp tục đến năm nay, theo đó Kiểm toán viên năm nay đã nêu vấn đề này tại đoạn “cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty chưa xem xét đưa vào chi phí các khoản lãi vay phải trả trị giá 12.273.556.840 đồng. Vấn đề này vẫn còn tiếp tục đến năm nay, theo đó Kiểm toán viên năm nay đã nêu vấn đề này tại đoạn “cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”.
- Không thể tham gia kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, không thể kiểm tra được tính đúng đắn và ảnh hưởng của chúng đến các tài khoản khác có liên quan trên Báo cáo tài chính. Kiểm toán viên năm nay đã xem xét và đánh giá vấn đề này và thấy rằng không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm hiện tại do Công ty đang trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp để tiến hành cổ phần hóa và chúng tôi đã tham gia kiểm kê cùng Công ty. Vấn đề ngoại trừ này đã được xử lý trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

NGUỒN VỐN	Mã		31/12/2013	01/01/2013
	số	TM	VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		133.859.675.305	298.677.586.476
I- Nợ ngắn hạn	310		100.695.086.014	255.960.949.912
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	6.17	24.200.831.938	25.994.111.553
2. Phải trả người bán	312		25.934.133.317	93.812.265.023
3. Người mua trả tiền trước	313		1.016.948.611	12.345.723.219
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.18	2.131.706.801	8.612.225.737
5. Phải trả người lao động	315		943.454.506	1.095.994.869
6. Chi phí phải trả	316	6.19	2.152.014.428	4.021.744.615
9. Các khoản phải trả, nộp khác	319	6.20	43.844.712.929	109.171.757.076
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		471.283.484	907.127.820
II- Nợ dài hạn	330		33.164.589.291	42.716.636.564
3. Phải trả dài hạn khác	333	6.21	18.667.859.850	22.486.392.795
4. Vay và nợ dài hạn	334	6.22	13.953.520.528	19.331.072.779
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	34.000.000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		543.208.913	865.170.990
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		218.434.282.244	234.251.981.926
I- Vốn chủ sở hữu	410	6.23	218.314.522.952	234.132.222.634
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		159.486.299.552	159.486.299.552
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	415		-	826.456.270
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(113.961.479)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.565.979.570	6.565.979.570
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	16.038.842.719
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(21.156.781.091)	(22.106.554.882)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		4.969.057.178	4.969.057.178
12. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	422		68.449.967.743	68.466.103.706
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		119.759.292	119.759.292
1. Nguồn kinh phí	432		119.759.292	119.759.292
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	440		352.293.957.549	532.929.568.402

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	140.717,95	41.805,45
- Yên Nhật (JPY)	61.108,90	29.588,00

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2014

Người lập

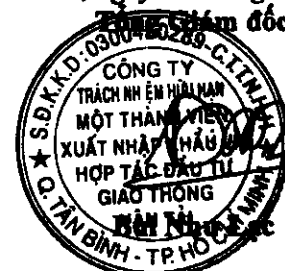
Kế toán trưởng





Lê Quang Tuấn

Vũ Hoàng Tùng



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.24	19.514.104.364	24.578.272.245
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.24	19.514.104.364	24.578.272.245
4. Giá vốn hàng bán	11	6.25	15.777.167.316	26.308.969.837
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		3.736.937.048	(1.730.697.592)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.26	2.979.602.662	23.992.168.853
7. Chi phí tài chính	22	6.27	4.011.381.788	4.776.617.652
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.708.617	60.530.555
8. Chi phí bán hàng	24	6.28	299.270.916	979.389.621
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.29	18.680.896.809	20.045.626.453
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(16.275.009.803)	(3.540.162.465)
11. Thu nhập khác	31	6.30	40.370.062.683	5.934.863.726
12. Chi phí khác	32	6.30	23.144.279.089	1.979.630.303
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.30	17.225.783.594	3.955.233.423
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		950.773.791	415.070.958
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.31	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		950.773.791	415.070.958

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2014

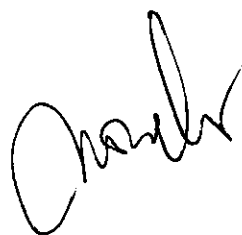
Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Quang Tuấn



Vũ Hoàng Tùng



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	7.321.593.070	7.541.904.613
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(11.685.296.813)	(14.573.240.416)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.937.039.116)	(14.111.825.144)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(25.989.805)	(37.833.334)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(6.600.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	20.408.605.966	13.424.337.015
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.127.151.284)	(6.500.246.717)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.045.277.982)	(14.263.503.983)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.576.424.141)	(176.427.273)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.465.867.504)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.135.742.635	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.913.678.467	57.225.187
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.007.129.457	(119.202.086)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	100.000.000	372.500.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(131.675.000)	(1.308.883.804)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(31.675.000)	(936.383.804)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	50	4.930.176.475	(15.319.089.873)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.898.459.180	30.194.083.982
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	21.043.572	23.465.071
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70	19.849.679.227	14.898.459.180

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2014

Người lập



Lê Quang Tuấn

Kế toán trưởng



Vũ Hoàng Tùng

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn đầu lọc thuốc lá. Mua bán các chất diệt khuẩn, côn trùng trong gia đình (không sản xuất tại trụ sở và trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Bán buôn đồ dùng cá nhân và gia đình (trừ dược phẩm);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng, thủy lợi, công trình giao thông bằng vật liệu mới;
- Sản xuất xe có động cơ (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe. Chi tiết: sản xuất chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: mua bán xe có động cơ và mô tô, xe máy, phụ tùng cho xe có động cơ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: mua bán nông, lâm sản nguyên liệu (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: mua bán lương thực, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: khai thác đá (đá khối, đá ốp lát, đá tấm, đá mỹ nghệ), (không hoạt động tại trụ sở);
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: dạy nghề ngắn hạn, giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất các chất diệt khuẩn, côn trùng trong gia đình (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất đồ dùng cá nhân và gia đình (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: vận tải hành khách bằng taxi;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: tư vấn bất động sản;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính - kế toán);
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, các dịch vụ du lịch khác;
- Chuyển phát. Chi tiết: dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện;
-

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; sản xuất xe có động cơ; bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp đã được ban hành và có hiệu lực, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác ngắn và dài hạn, các khoản ký quỹ ký cược ngắn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn, dài hạn; phải trả người bán; các khoản phải trả, nộp khác ngắn và dài hạn, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng thương mại. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các thành viên.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	Năm khấu hao
Nhà cửa và vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 08
Tài sản khác	02 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất là lâu dài và không tính khấu hao

Phần mềm kế toán

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian là năm năm.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng quản trị (hoặc đại hội cổ đông) công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào doanh nghiệp khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản khoản chi phí chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện chờ phân bổ và các khoản chi phí công cụ dụng cụ khác.

Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện chờ phân bổ là khoản đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm 2010 và 2011. Khoản chi phí này được phân bổ vào theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian là từ hai đến bốn năm.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian hai năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

PHƯỜNG

Chi phí lãi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	996.579.838	987.355.942
Tiền gửi ngân hàng	3.853.099.389	3.019.907.613
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	10.891.195.625
Tổng	19.849.679.227	14.898.459.180

(*) Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng VID Public – Chi nhánh Bình Dương giá trị là 15.000.000.000 đồng với lãi suất là từ 6% đến 7,5%.

6.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	148.744.450	148.744.450
Phải thu tiền lãi hoạt động liên doanh nhận được từ Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất Ô tô Ngôi Sao	-	20.815.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco	8.839.052.821	4.748.862.842
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Dịch vụ Hàng Hải	1.294.090.000	1.077.294.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đà Nẵng	1.069.286.126	872.670.100
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Tổng hợp	774.653.803	790.789.766
Công ty CP Thương mại Đầu tư và Phát triển nguồn nhân lực Tracimexco	390.130.439	782.946.622
Doanh nghiệp Xây dựng Thương mại Thọ Lộc	83.898.297	83.898.297
Công ty Xây lắp 394	47.134.792	47.134.792
Nhà máy SX lắp ráp và đóng mới ô tô Tralas	-	233.000.000
Tiền lương thu hộ chi hộ lao động và khác	965.932.618	2.357.010.898
Phải thu của người đi hợp tác lao động	1.622.587.679	1.634.165.912
Phải thu tiền ủy thác nhập khẩu	2.131.400.556	-
Trung tâm Thương mại Dịch vụ Đầu tư TRACIMEXCO-TI (TTT)	20.073.565	20.073.565
Bảo hiểm xã hội	1.849.801	6.877.073
Phải thu tại Đơn vị Vietrancimex	-	6.549.597.122
Phải thu tại Đơn vị Chi nhánh Nha Trang	-	2.019.507.427
Phải thu tại Đơn vị Chi nhánh Hải Phòng	-	2.391.204.798
Phải thu tại Đơn vị Ban Quản lý Khai thác tàu	-	1.489.888.161
Phải thu tại Đơn vị Văn phòng 61 Hàm Long	-	1.146.581.712
Phải thu tại Đơn vị Chi nhánh Vũng Tàu	-	961.799.901
Phải thu tại Đơn vị Chi nhánh Đồng Nai	-	659.504.510
Phải thu khác	1.909.364.585	2.675.009.919
Tổng	19.298.199.532	51.511.561.867

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

6.3 Hàng tồn kho	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	1.600.000
Công cụ dụng cụ	-	46.549.905
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	686.247.831
Thành phẩm	759.098.651	2.484.502.117
Hàng hoá	493.866.366	7.176.190.226
Hàng gửi đi bán	69.809.534	651.840.954
Tổng	1.322.774.551	11.046.931.033
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(480.820.294)
Tổng	1.322.774.551	10.566.110.739
6.4 Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	-	189.090.916
Chi phí vật tư và chi phí khác chờ phân bổ	1.250.913.008	1.250.913.008
Chi phí công cụ dụng cụ	178.500.196	74.685.342
Chi phí khác chờ phân bổ	4.800.000	848.338.898
Tổng	1.434.213.204	2.363.028.164
6.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu nộp thừa	1.903.963	1.903.963
Thuế Tiêu thụ đặc biệt nộp thừa	6.371.184	6.371.184
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	273.727.545	273.727.545
Các khoản phải thu khác	58.188.098	57.190.759
Tổng	340.190.790	339.193.451

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

6.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	3.206.852.673	8.018.842.810
Cầm cố, ký quỹ ký cược ngắn hạn	35.138.299	263.877.144
Tài sản thiếu chờ xử lý bao gồm các khoản chênh lệch công nợ nội bộ với các chi nhánh và đơn vị trực thuộc	5.312.051.821	56.880.958.644
- Trung tâm hợp tác lao động nước ngoài	-	19.722.974.166
- Văn phòng đại diện 61 Hàm Long	-	13.746.013.307
- Vietrancimex	-	9.749.096.893
- Chi nhánh Nha Trang	-	6.787.334.784
- Văn phòng Công ty	4.960.332.010	-
- Chi nhánh Cần Thơ	-	1.953.232.477
- Chi nhánh Đồng Nai	-	1.419.638.780
- Các trung tâm	-	1.185.076.167
- Văn phòng đại diện 22 Nguyễn Văn Trỗi	-	993.754.494
- Chi nhánh Vũng Tàu	-	563.792.745
- XN Khai thác đá và Xây dựng Công trình Giao thông	351.719.811	421.719.811
- Khác	-	338.325.020
Tổng	8.554.042.793	65.163.678.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

6.7 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu tiền cho Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đà Nẵng vay	300.000.000	1.700.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển nguồn nhân lực Tracimexco (*)	83.009.117.727	83.009.117.727
Tổng	83.309.117.727	84.709.117.727

(*): Đây là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco (HRI) theo hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh Bất động sản nhà 56 Trần Quốc Tuấn, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh ngày 16/12/2010 có nội dung như sau: Công ty hiện đang thực hiện nhận chuyển nhượng bất động sản 56 Trần Quốc Tuấn, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh với giá trị 82.569.000.000 đồng. Hai bên thống nhất cùng hợp tác kinh doanh bất động sản nhà 56 Trần Quốc Tuấn, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh với nguyên tắc như sau: Hai bên cùng góp vốn để nhận chuyển nhượng bất động sản 56 Trần Quốc Tuấn, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh trên nguyên tắc bảo toàn vốn đầu tư và kinh doanh có lãi.

Trách nhiệm của mỗi bên:

+ Trách nhiệm của Công ty (bên A):

- Thực hiện các thủ tục ủy quyền để Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco (bên B) đứng tên trong hợp đồng nhận chuyển nhượng.
- Đóng tiền theo tỷ lệ góp vốn cam kết.
- Phối hợp cùng với bên B lập dự án đầu tư hoặc phương án chuyển nhượng bất động sản 56 Trần Quốc Tuấn, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trách nhiệm của Công ty phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco (bên B):

- Ký hợp đồng nhận chuyển nhượng với chủ sở hữu bất động sản nêu trên theo giá mà bên B đã thỏa thuận trong hợp đồng nguyên tắc ngày 25 tháng 05 năm 2010.
- Đóng đầy đủ và đúng hạn số tiền theo tỷ lệ góp vốn cam kết.
- Lập phương án đầu tư, kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản nêu trên để hai bên xem xét quyết định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty đã thực hiện góp vốn với số tiền là 83.009.117.727 đồng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ B 09-DN

6.8 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tài sản khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ							
Số dư tại 01/01/2013	14.485.708.974	3.825.298.544	8.523.605.649	948.469.505	52.300.000	4.374.661.733	32.210.044.405
Tăng trong năm	2.189.845.960	-	834.914.545	25.300.000	-	-	3.050.060.505
Mua trong năm	-	-	834.914.545	25.300.000	-	-	860.214.545
Đầu tư XDCB Hoàn thành	2.189.845.960	-	-	-	-	-	2.189.845.960
Giảm trong năm	-	-	225.916.000	554.215.460	52.300.000	4.374.661.733	5.207.093.193
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	79.512.000	-	-	79.512.000
Giảm theo biên bản xử lý tài chính	-	-	225.916.000	286.933.409	-	4.374.661.733	4.887.511.142
Giảm khác (*)	-	-	-	187.770.051	52.300.000	-	240.070.051
Số dư tại 31/12/2013	16.675.554.934	3.825.298.544	9.132.604.194	419.554.045	-	-	30.053.011.717
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2013	2.642.320.074	677.289.219	4.598.997.514	848.279.891	45.813.333	2.229.056.215	11.041.756.246
Tăng trong năm	627.302.820	-	510.641.604	27.694.960	1.400.000	-	1.167.039.384
Khấu hao trong năm	627.302.820	-	510.641.604	27.694.960	1.400.000	-	1.167.039.384
Giảm trong năm	-	-	225.916.000	498.469.870	47.213.333	2.229.056.215	3.000.655.418
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	79.512.000	-	-	79.512.000
Giảm theo biên bản xử lý tài chính	-	-	225.916.000	286.933.409	-	2.229.056.215	2.741.905.624
Giảm khác (*)	-	-	-	132.024.461	47.213.333	-	179.237.794
Số dư tại 31/12/2013	3.269.622.894	677.289.219	4.883.723.118	377.504.981	-	-	9.208.140.212
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2013	11.843.388.900	3.148.009.325	3.924.608.135	100.189.614	6.486.667	2.145.605.518	21.168.288.159
Tại 31/12/2013	13.405.932.040	3.148.009.325	4.248.881.076	42.049.064	-	-	20.844.871.505

(*) Tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 25/4/2013.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.655.524.712 đồng.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

6.9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2013	14.639.002.049	35.200.000	14.674.202.049
Số dư tại 31/12/2013	14.639.002.049	35.200.000	14.674.202.049
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2013	-	29.333.338	29.333.338
Khấu hao trong năm	-	5.866.662	5.866.662
Số dư tại 31/12/2013	-	35.200.000	35.200.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2013	14.639.002.049	5.866.662	14.644.868.711
Số dư tại 31/12/2013	14.639.002.049	-	14.639.002.049

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 35.200.000 đồng.

6.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí dự án Bất động sản tại phường An Thới, thành phố Cần Thơ	27.433.950.465	26.846.319.959
Chi phí khác tại XN Khai thác đá và Xây dựng Công trình Giao thông	12.623.991.943	19.121.473.044
Tổng	40.057.942.408	45.967.793.003

6.11 Đầu tư vào công ty con

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Sản Xuất và Dịch vụ Tổng hợp	4.716.840.000	4.716.840.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển nguồn nhân lực Tracimexco	3.315.100.000	3.315.100.000
Tổng	8.031.940.000	8.031.940.000

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Thông tin đối tượng đầu tư

Stt	Chi tiết đối tượng góp vốn	Vốn điều lệ	Giá trị góp vốn tính theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị góp vốn theo sổ sách (31/12/2013)
1	Công ty Cổ phần Thương mại Sản Xuất và Dịch vụ Tổng hợp	9.235.000.000	4.716.840.000	51,08%	4.716.840.000
2	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển nguồn nhân lực Tracimexco	6.500.000.000	3.315.100.000	51,00%	3.315.100.000
	Tổng	15.735.000.000	8.031.940.000		8.031.940.000

Chi tiết các khoản đầu tư

Đối tượng góp vốn	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Thương mại Sản Xuất và Dịch vụ Tổng hợp	471.684	4.716.840.000	471.684	4.716.840.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển nguồn nhân lực Tracimexco	331.510	3.315.100.000	331.510	3.315.100.000
Tổng	803.194	8.031.940.000	803.194	8.031.940.000

6.12 Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất Ô tô Ngôi Sao	61.008.000.000	61.008.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Nam Phong	5.800.000.000	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco	18.557.650.000	18.557.650.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Dịch vụ Hàng Hải	3.403.327.000	3.403.327.000
Đầu tư khác tại Chi nhánh Đồng Nai	-	18.000.000
Tổng	88.768.977.000	88.786.977.000

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Thông tin đối tượng đầu tư

Stt	Chi tiết đối tượng góp vốn	Vốn điều lệ	Giá trị cam kết góp vốn	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị góp vốn theo sổ sách (31/12/2013)
1	Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất Ô tô Ngôi Sao	302.912.000.000	61.008.000.000	25,00%	61.008.000.000
2	Công ty Cổ phần Thương Mại Ô tô Nam Phong	20.000.000.000	5.800.000.000	29,00%	5.800.000.000
3	Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco	43.535.000.000	18.557.650.000	42,63%	18.557.650.000
4	Công ty Cổ phần Vận tải biển và Dịch vụ Hàng Hải	14.753.170.000	3.403.327.000	27,68%	3.403.327.000
	Tổng				88.768.977.000

Chi tiết các khoản đầu tư

Đối tượng góp vốn	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất Ô tô Ngôi Sao	-	61.008.000.000	-	61.008.000.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Ô tô Nam Phong	580.000	5.800.000.000	580.000	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco	1.855.765	18.557.650.000	1.855.765	18.557.650.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Dịch vụ Hàng Hải	408.398	3.403.327.000	408.398	3.403.327.000
Tổng	2.844.163	88.768.977.000	2.844.163	88.768.977.000

6.13 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Liên doanh sản xuất thiếc	413.565.080	413.565.080
Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài	3.270.900.000	3.270.900.000
Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam	9.180.000.000	9.180.000.000
Tổng	12.864.465.080	12.864.465.080

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Thông tin đối tượng đầu tư

Stt	Chi tiết đối tượng góp vốn	Vốn điều lệ	Giá trị góp vốn tính theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị góp vốn theo sổ sách (31/12/2013)
1	Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài	32.709.000.000	3.270.900.000	10,00%	3.270.900.000
2	Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam	54.000.000.000	9.180.000.000	17,00%	9.180.000.000
3	Liên doanh sản xuất thiếc	-	413.565.080	-	413.565.080
	Tổng	86.709.000.000	12.864.465.080		12.864.465.080

Chi tiết các khoản đầu tư

Tên đối tượng	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài	327.090	3.270.900.000	327.090	3.270.900.000
Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam	918.000	9.180.000.000	918.000	9.180.000.000
Liên doanh sản xuất thiếc	-	413.565.080	-	413.565.080
Tổng	1.245.090	12.864.465.080	1.245.090	12.864.465.080

6.14 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco	6.969.933.920	5.438.836.183
Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam	2.415.062.024	1.918.033.482
Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Nam Phong	2.131.355.305	1.656.671.931
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất và Dịch vụ	1.387.119.689	957.163.351
Tổng hợp	12.903.470.938	9.970.704.947

6.15 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện đang chờ phân bổ	590.798.038	2.803.028.696
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.635.653.359	1.796.156.404
Chi phí khác	-	139.170.675
Tổng	2.226.451.397	4.738.355.775

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

6.16 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ký quỹ ký cược dài hạn	1.201.800.385	1.201.800.385
Tổng	1.201.800.385	1.201.800.385

6.17 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay tổ chức tín dụng	21.668.737.255	21.410.666.146
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	11.886.633.827	11.737.710.953
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch	687.279.281	678.478.455
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	7.836.389.321	7.736.041.912
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.258.434.826	1.258.434.826
Vay tổ chức và cá nhân khác	2.253.333.058	4.304.683.782
Công ty Cổ phần Tracimexco Tín Phát	272.457.592	272.457.592
Công ty cổ phần Thương mại đầu tư & phát triển nguồn nhân lực Tracimexco	300.000.000	300.000.000
Nguyễn Thị Bùi	176.465.250	176.465.250
Vũ Anh Long	3.478.500	3.478.500
Phạm Thanh Châu	3.223.500	3.223.500
Nguyễn Văn Đồng	3.000.000	3.000.000
Trần Hoàng Dung	334.000.000	334.000.000
Bùi Quang Sáng	1.160.708.216	1.160.708.216
Các đối tượng khác	-	2.051.350.724
Nợ dài hạn đến hạn trả	278.761.625	278.761.625
Tổng	24.200.831.938	25.994.111.553

6.18 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	43.390.060	1.792.486.045
Thuế thu nhập cá nhân	44.937.130	32.963.884
Thuế tài nguyên	-	9.622.126
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	16.808.600
Các loại thuế khác	-	575.722.589
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	2.043.379.611	6.184.622.493
Tổng	2.131.706.801	8.612.225.737

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

6.19 Chi phí phải trả

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay tại Chi nhánh Tracimexco Nha Trang	708.387.982	708.387.982
Công trình đường 926 tại Chi nhánh Cần Thơ	-	1.114.915.884
Nhà văn phòng 114-PNL tại Chi nhánh Cần Thơ	-	396.213.432
Chi phí phải trả khác	1.443.626.446	1.802.227.317
Tổng	2.152.014.428	4.021.744.615

6.20 Các khoản phải trả, nộp khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	51.901.782.698
Kinh phí công đoàn	66.128.152	89.567.489
Bảo hiểm xã hội	131.019.047	108.021.739
Bảo hiểm y tế	52.821.404	39.805.418
Phải trả cho Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam	1.309.416.450	1.309.416.450
Phải trả tiền góp vốn thực hiện dự án Khu dân cư An Thới, Tp. Cần Thơ cho Công ty Sasco	30.040.240.000	30.040.240.000
Doanh nghiệp Tư nhân Tuấn Kiều	458.824.989	458.824.989
Công ty TNHH Việt Thắng Thắng	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển nguồn nhân lực Tracimexco	307.682.898	307.682.898
Công ty Cổ phần Trung Phát	70.000.000	70.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh nhà Nha Trang	44.000.000	44.000.000
Công ty TNHH Đài Bắc	132.000.000	132.000.000
Công ty TNHH Việt Hải	20.050.000	20.050.000
Chi nhánh Tracimexco Đồng Nai	70.000.000	70.000.000
Nguyễn Thị Duyên	30.000.000	30.000.000
Nguyễn Thị Thu Thảo	100.000.000	100.000.000
Nguyễn Thuận Anh	36.200.000	36.200.000
Đặng Thị Bích Hạnh	50.000.000	50.000.000
Medision Xray	25.828.001	25.828.001
Phải trả tiền nhận ký quỹ của người lao động đi nước ngoài	661.528.223	682.528.223
Phải trả tiền thu chi hộ của người lao động	3.762.282.642	3.152.614.698
Phải trả thuế NK truy thu lô hàng ô tô nhập khẩu 07 xe N2005 và 27 xe N2004	4.817.514.004	4.817.514.004
Bảo hiểm thất nghiệp	508.174	1.175.681
Phải trả khác	1.458.668.945	15.484.504.788
Tổng	43.844.712.929	109.171.757.076

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

6.21 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nhận ký quỹ ký cược của tu nghiệp sinh và người lao động đi nước ngoài	18.510.708.442	20.057.879.487
Phải trả tiền lãi vay cho các tu nghiệp sinh	157.151.408	157.151.408
Phải trả dài hạn khác	-	2.271.361.900
Tổng	18.667.859.850	22.486.392.795

6.22 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	13.581.831.504	13.581.831.504
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	13.581.831.504	13.581.831.504
Vay các đối tượng khác	371.689.024	5.749.241.275
- Sin Bus	-	100.000.000
- Chi nhánh Sài Gòn	-	1.629.127.000
- Cảng vụ Vũng Tàu	150.000.000	150.000.000
- Choang Tiến Mạnh	23.633.566	23.633.566
- Phạm Gia Toàn	5.250.000	5.250.000
- Nguyễn Văn Kim	-	377.830.107
- Ngô Thị Bích Hằng	105.180.000	105.180.000
- Phạm Tuấn Anh	42.072.000	42.072.000
- Nguyễn Hồng Cường	14.725.200	14.725.200
- Nguyễn Phương Lan	10.518.000	10.518.000
- Nguyễn Hùng Sơn	10.518.000	10.518.000
- Vũ Thị Liên	6.310.800	6.310.800
- Đinh Công Thọ	3.481.458	3.481.458
- Phạm Thu Hằng	-	10.414.000
- Lê Văn Thọ	-	20.828.000
- Các đối tượng khác	-	3.239.353.144
Tổng	13.953.520.528	19.331.072.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU B 09-DN

6.23 Vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>									
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	Tổng	
Số dư tại 01/01/2012	159.486.299.552	826.456.270	6.565.979.570	16.038.842.719	(7.188.691)	(22.521.625.840)	4.969.057.178	68.466.103.706	233.823.924.464	417.445.197
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.374.239	415.070.958	-	-	415.070.958	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	2.374.239	415.070.958	-	-	415.070.958	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	2.374.239	2.374.239
Giảm trong năm	-	-	-	-	109.147.027	-	-	-	109.147.027	-
Giảm khác	-	-	-	-	109.147.027	-	-	-	109.147.027	-
Số dư tại 31/12/2012	159.486.299.552	826.456.270	6.565.979.570	16.038.842.719	(113.961.479)	(22.106.554.882)	4.969.057.178	68.466.103.706	234.132.222.634	
Số dư tại 01/01/2013	159.486.299.552	826.456.270	6.565.979.570	16.038.842.719	(113.961.479)	(22.106.554.882)	4.969.057.178	68.466.103.706	234.132.222.634	
Tăng trong năm	-	-	-	-	113.961.479	950.773.791	-	-	1.064.735.270	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	950.773.791	-	-	950.773.791	-
Tăng khác	-	-	-	-	113.961.479	-	-	-	113.961.479	-
Giảm trong năm	-	826.456.270	-	16.038.842.719	-	1.000.000	-	16.135.963	16.135.963	-
Chi trợ cấp thôi việc	-	-	-	-	-	-	-	16.135.963	16.135.963	-
Giảm khác (*)	-	826.456.270	-	16.038.842.719	-	1.000.000	-	-	16.866.298.989	-
Số dư tại 31/12/2013	159.486.299.552	-	6.565.979.570	-	-	(21.156.781.091)	4.969.057.178	68.449.967.743	218.314.522.952	

(*) Trong năm 2013, Công ty đã thực hiện xử lý tài chính theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên ngày 16 tháng 12 năm 2013 về việc thống nhất quyết nghị về vấn đề xử lý tài chính phục vụ cổ phần hóa.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

6.24	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
	Doanh thu bán hàng hóa	3.092.487.124	10.304.674.765
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.421.617.240	14.273.597.480
	Tổng	19.514.104.364	24.578.272.245
6.25	Giá vốn hàng bán	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
	Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.750.250.070	15.176.420.292
	Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	12.026.917.246	11.132.549.545
	Tổng	15.777.167.316	26.308.969.837
6.26	Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.725.146.840	2.212.352.071
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.141.139.777	21.631.796.000
	Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.151.528	121.944.057
	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	63.164.517	18.952.608
	Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	7.124.117
	Tổng	2.979.602.662	23.992.168.853
6.27	Chi phí tài chính	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
	Chi phí lãi vay	21.708.617	60.530.555
	Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.932.765.991	862.813.090
	Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.038.583.463	3.631.696.109
	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.666.041	221.577.898
	Chi phí hoạt động tài chính khác	3.657.676	-
	Tổng	4.011.381.788	4.776.617.652
6.28	Chi phí bán hàng	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	299.270.916	979.389.621
	Tổng	299.270.916	979.389.621

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

6.29 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.336.727.261	8.879.058.336
Chi phí vật liệu quản lý	71.752.110	40.122.369
Chi phí đồ dùng văn phòng	205.703.705	105.390.229
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.101.356.046	1.063.003.571
Thuế, phí và lệ phí	48.858.092	13.907.057
Chi phí dự phòng	368.967.078	1.236.218.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.371.614.432	3.950.025.250
Chi phí bằng tiền khác	4.175.918.085	4.757.900.769
Tổng	18.680.896.809	20.045.626.453

6.30 Lợi nhuận khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập khác		
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	418.622.783
Hoàn nhập quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho	480.820.294	398.464.273
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	720.310.864	-
Hoàn nhập dự phòng phải trả	34.000.000	-
Xử lý công nợ lâu năm	38.413.075.882	4.639.444.663
Thu tiền thuê nhà	33.347.642	-
Thu nhập khác	688.508.001	478.332.007
Tổng	40.370.062.683	5.934.863.726
Chi phí khác		
Chi phí khấu hao xe vượt định mức	71.550.000	-
Phạt vi phạm hành chính	11.094.237	-
Xử lý số dư nợ và các khoản mục tài sản khác lâu năm	23.060.924.797	709.574.262
Các chi phí khác	710.055	1.270.056.041
Tổng	23.144.279.089	1.979.630.303
Lợi nhuận khác	17.225.783.594	3.955.233.423

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

6.31 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế suất:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 25% lợi nhuận chịu thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán	950.773.791	415.070.958
Các khoản điều chỉnh tăng	23.143.569.034	1.771.753.688
- Các khoản chi phí không phục vụ hoạt động kinh doanh	-	1.694.993.642
- Chi phí khấu hao vượt mức	71.550.000	71.550.000
- Xử lý số dư công nợ không có hồ sơ, chứng từ đầy đủ	23.060.924.797	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính	11.094.237	5.210.046
Các khoản điều chỉnh giảm	24.094.342.825	21.655.261.071
- Cổ tức	1.141.139.777	21.631.796.000
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	21.043.572	23.465.071
- Chuyển lỗ các năm trước	22.932.159.476	-
Thu nhập chịu thuế	-	(19.468.436.425)
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các khoản lỗ tính thuế lũy kế là 33.943.073.688 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 56.875.233.164 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trong năm vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai. Khoản lỗ này sẽ được chuyển liên tục sang các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

6.32 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND
Hàng tồn kho đầu năm	11.046.931.033
Hàng tồn kho mua trong năm	10.769.326.758
Hàng tồn kho cuối năm	(1.322.774.551)
Chi phí nhân công	9.336.727.261
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.172.906.046
Chi phí khác	26.898.497.583
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	57.901.614.130
Đối chiếu:	
Giá vốn hàng bán	15.777.167.316
Chi phí bán hàng	299.270.916
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.680.896.809
Chi phí khác	23.144.279.089
Chi phí sản xuất kinh doanh theo chức năng	57.901.614.130

7. THÔNG TIN KHÁC

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan
Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Tính chất	Năm 2013 VND
Thu nhập Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc	Lương và phụ cấp	1.452.784.601

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2013 VND
Giao dịch bán hàng			
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển nguồn nhân lực Tracimexco	Công ty con	Thực hiện dịch vụ xuất khẩu lao động	10.534.746.502
		Thu tiền lãi cho vay	202.010.417
		Tiền thuê nhà và tiền điện	189.266.159
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco	Công ty liên kết	Thu tiền lãi cho vay	264.934.325
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Dịch vụ Hàng Hải	Công ty liên kết	Thu tiền cổ tức	816.796.000
Tổng			12.007.753.403

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2013 VND
----------------------	--------------------	----------------------------	-------------------------

Giao dịch mua hàng

Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Nam Phong	Công ty liên kết	Thuê kho, bảo dưỡng xe	181.400.000
Tổng			181.400.000

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<u>Phải thu khách hàng</u>				
Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Nam Phong	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	35.200.000	20.300.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Dịch vụ Hàng Hải	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	846.710.793	846.710.793
Tổng			881.910.793	867.010.793
<u>Ứng trước cho người bán</u>				
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển nguồn nhân lực Tracimexco	Công ty con	Ứng trước cho người bán	114.029.125	57.676.488
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco	Công ty liên kết	Ứng trước cho người bán	2.100.000.000	-
Tổng			2.214.029.125	57.676.488
<u>Phải thu khác</u>				
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Dịch vụ Hàng Hải	Công ty liên kết	Phải thu khác	1.294.090.000	1.077.294.000
Công ty Cổ phần Thương mại Sản Xuất và Dịch vụ Tổng hợp	Công ty con	Phải thu khác	774.653.803	790.789.766
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển nguồn nhân lực Tracimexco	Công ty con	Phải thu khác	390.130.439	782.946.622
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco	Công ty liên kết	Phải thu khác	8.839.052.821	4.748.862.842
Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất Ô tô Ngôi Sao	Công ty liên kết	Phải thu khác	-	20.815.000.000
Tổng			11.297.927.063	28.214.893.230
<u>Người mua trả tiền trước</u>				
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển nguồn nhân lực Tracimexco	Công ty con	Người mua trả tiền trước	91.807.222	-
Tổng			91.807.222	-
<u>Phải trả khác</u>				
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco	Công ty con	Phải trả khác	307.682.898	307.682.898
Tổng			307.682.898	307.682.898
<u>Vay</u>				
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco	Công ty con	Vay tiền	300.000.000	300.000.000
Tổng			300.000.000	300.000.000

6.22, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản vay	38.154.352.466	45.325.184.332
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	19.849.679.227	14.898.459.180
Nợ thuần	18.304.673.239	30.426.725.152
Vốn chủ sở hữu	218.314.522.952	234.132.222.634
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	8,38%	13,00%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.849.679.227	14.898.459.180
Phải thu khách hàng và phải thu khác	132.938.851.127	237.054.871.966
Tài sản tài chính khác	1.236.938.684	1.465.677.529
Tổng	154.025.469.038	253.419.008.675
Công nợ tài chính		
Các khoản vay (ngắn + dài hạn)	38.154.352.466	45.325.184.332
Phải trả người bán (ngắn + dài hạn)	25.934.133.317	93.812.265.023
Phải trả khác (ngắn + dài hạn)	62.512.572.779	131.658.149.871
Chi phí phải trả	2.152.014.428	4.021.744.615
Tổng	128.753.072.990	274.817.343.841

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tùy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này do chính sách tài chính và chính sách thuế của Nhà nước chưa rõ ràng và sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Khoản mục	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	41.049.519.789	40.147.272.878	25.186.881.320	23.654.345.425
Baht Thái Lan (THB)	13.581.831.504	13.581.831.504	-	-
Yên Nhật (JPY)	-	-	18.478.963	16.801.257
Tổng	54.631.351.293	53.729.104.382	25.205.360.283	23.671.146.682

Nếu tỷ giá tăng/giảm 10% thì hoạt động của Công ty cũng sẽ giảm/tăng 2.942.599.101 đồng.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	69.778.846.246	18.667.859.850	88.446.706.096
Các khoản phải trả	2.152.014.428	-	2.152.014.428
Các khoản vay	24.200.831.938	13.953.520.528	38.154.352.466
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2013			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	202.984.022.099	22.486.392.795	225.470.414.894
Các khoản phải trả	4.021.744.615	-	4.021.744.615
Các khoản vay	25.994.111.553	19.331.072.779	45.325.184.332

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU B 09-DN

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.849.679.227	-	19.849.679.227
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.629.733.400	83.309.117.727	132.938.851.127
Tài sản tài chính khác	35.138.299	1.201.800.385	1.236.938.684
Tại 01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.898.459.180	-	14.898.459.180
Phải thu khách hàng và phải thu khác	152.345.754.239	84.709.117.727	237.054.871.966
Tài sản tài chính khác	263.877.144	1.201.800.385	1.465.677.529

7.3 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác với dạng ý kiến kiểm toán là từ chối đưa ra ý kiến.

Một số khoản mục đã được trình bày, phân loại lại cho phù hợp với mục đích trình bày Báo cáo tài chính năm hiện tại:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

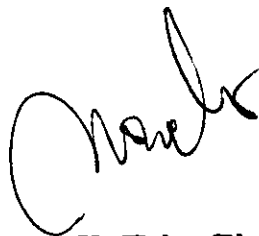
Chỉ tiêu	Số trước điều chỉnh tại ngày 31/12/2012 VND	Số sau điều chỉnh tại ngày 31/12/2012 VND	Chênh lệch VND
Tổng tài sản	162.022.056.655	162.022.056.655	-
Tiền	10.732.859.180	4.007.263.555	6.725.595.625
Các khoản tương đương tiền	4.165.600.000	10.891.195.625	(6.725.595.625)
Các khoản phải thu khác	49.154.550.969	51.511.561.867	(2.357.010.898)
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.886.302.165)	(3.163.347.584)	1.277.045.419
Phải thu dài hạn khác	2.558.811.283	84.709.117.727	(82.150.306.444)
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(1.277.045.419)	-	(1.277.045.419)
Đầu tư dài hạn khác	97.573.582.807	12.864.465.080	84.709.117.727
Tài sản dài hạn khác	1.000.000.000	1.201.800.385	(201.800.385)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Lê Quang Tuấn

Vũ Hoàng Tùng

Trần Văn Lạc